

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/KDTM-ST
Ngày: 29-12-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yên
2. Bà Dương Thị Bạ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Ph; địa chỉ; Số 07/ĐX5-TH, Tổ 9, khu phố Tân Hóa, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Hưng, sinh năm 2000; địa chỉ: Phan Đăng Lưu, An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph; địa chỉ: Thửa số 1569, tờ bản đồ số D4(DC-15), khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông L Ng S; địa chỉ: Số 99/26, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Hưng trình bày:

Công ty Công ty TNHH Ph (sau đây gọi tắt là Công ty Ph) và Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph (sau đây gọi tắt là Công ty L G Ph) đã thực hiện việc mua bán hàng hóa từ tháng 07/2022. Theo đó, tiến trình mua bán được các bên thực hiện như sau:

Ngày 01/7/2022, hai bên ký Hợp đồng nguyên tắc số 70/HĐNT-2022, hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/7/2023 và phụ lục hợp đồng ngày 02/8/2022. Nội dung của hợp đồng: Công ty Ph đồng ý bán các loại hàng hóa là sơn, chất tẩy, dung môi, tinh màu...vv, dùng trong công nghệ chế biến gỗ do Công ty Ph sản xuất. Tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, đơn giá hàng hóa...sẽ được thể hiện trên từng đơn đặt hàng ở từng thời điểm đặt hàng theo sự thỏa thuận của hai bên. Thời hạn và phương thức thanh toán: Công ty L G Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Ph trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty Ph giao hàng. Thanh toán bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Công ty Ph đã thể hiện trên hợp đồng.

Tính đến cuối tháng 02/2023, tổng số tiền Công ty L G Ph chưa thanh toán cho Công ty Ph là 229.201.000 đồng. Trong đó, công nợ của tháng 8/2022 là 199.798.000 đồng theo các hóa đơn số 1178,1217,1254,1369; công nợ của tháng 2/2023 là: 29.403.000 đồng theo hóa đơn số 156.

Số tiền này, Công ty Ph nhiều lần đề nghị Công ty L G Ph thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng Công ty L G Ph không thực hiện, gây thiệt hại nghiêm trọng và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty Ph được pháp luật bảo vệ. Do đó, Công ty Ph khởi kiện yêu cầu Công ty L G Ph phải thanh toán cho Công ty TNHH Ph số tiền hàng chưa trả 229.201.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.658.264 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hóa đơn giá trị gia tăng số 1178 ngày 03/8/2022; 1217 ngày 08/8/2022; 1254 ngày 10/8/2022; 1369 ngày 23/8/2022; 156 ngày 06/02/2023; hợp đồng nguyên tắc số 70/HĐNT-2022 ngày 01/7/2022; phụ lục hợp đồng ngày 02/8/2022.

Bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph và người đại diện theo pháp luật của Công ty ông L Ng S đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đến Tòa án làm việc vào ngày 30 tháng 11 năm 2023; Thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 1 vào ngày 08 tháng 12 năm 2023; Thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 2 vào ngày 15 tháng 12 năm 2023; thông báo về việc tham gia phiên tòa vào ngày 25 tháng 12 năm 2023 và ngày 29 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph và người đại diện theo pháp luật của Công ty ông L Ng S vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH Ph (sau đây gọi tắt là Công ty Ph) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph (sau đây gọi tắt là Công ty L G Ph); địa chỉ: Thửa số 1569, tờ bản đồ số D4(DC-15), khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phải trả toàn bộ số tiền mua bán hàng hóa chưa trả và tiền lãi do chậm thanh toán. Xét, đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty L G Ph đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng 229.201.000 đồng theo hợp đồng nguyên tắc số 70/HĐNT-2022 và phụ lục hợp đồng ngày 02/8/2022.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 70/HĐNT-2022 ngày 01/7/2022 và phụ lục hợp đồng ngày 02/8/2022.

Tại Điều 6 của của hợp đồng nguyên tắc nêu trên các bên thỏa thuận: Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên A theo số tài khoản ghi trên hợp đồng; Một lô hàng không được vượt quá 100.000.000 đồng; bên B mua hàng lô sau thì phải thanh toán hết công nợ của lô hàng trước cho bên A; thời gian thanh toán của một lô hàng không được quá 15 ngày kể từ ngày bên A giao hàng; nếu bên B thanh toán không đúng thời hạn, bên A sẽ ngưng cung cấp hàng và tính lãi suất số tiền chậm trả theo lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm đó; chứng cứ có giá trị pháp lý về thanh toán gồm các phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT bên A xuất cho bên B, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ xác nhận công nợ mỗi tháng giữa hai bên.

Tại phụ lục hợp đồng ngày 02/8/2022 các bên thỏa thuận: Bên B thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A giao hàng; hạn mức công nợ tối đa không quá 200.000.000 đồng/tháng.

[4] Theo bảng đối chiếu công nợ do nguyên đơn cung cấp xác định từ ngày 01/8/2022 đến ngày 31/8/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 201.067.800 đồng, bảng

đối chiếu công nợ này được bị đơn xác nhận ký tên đóng dấu. Bảng đối chiếu công nợ này phù hợp với các hóa đơn giá trị gia tăng số 1178,1217,1254,1369 do nguyên đơn cung cấp. Sau khi đối chiếu công nợ bị đơn mới thanh toán 01 phần cho nguyên đơn, số tiền còn lại chưa trả là 199.798.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này, nhưng bị đơn không trả.

Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật thương mại quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.
2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn chưa thực hiện việc thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điểm B của phụ lục hợp đồng ngày 02/8/2022; Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng chưa trả là 199.798.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ gốc 29.403.000 đồng, nguyên đơn không cung cấp được bảng đối chiếu công nợ với bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn cung cấp được phiếu xuất kho số 390 ngày 23/12/2022, có đại diện bị đơn là ông Hoàng Văn Hạo nhận hàng và nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 156 thể hiện số tiền, mặt hàng phù hợp với phiếu xuất kho. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn theo như thỏa thuận của hợp đồng.

[5] Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Tại Điều 306 Bộ luật thương mại quy định “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”.

Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử Tòa án thu thập được ba ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn: 10,5%/năm; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 10,5%/năm; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương: 12,5%/năm) là 16,75%/năm, tương đương với 1,395%/tháng, 0,4465%/ngày. Như vậy, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn so với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn; cụ thể:

Tiền lãi từ ngày 01/10/2022 đến ngày 29/12/2023: $199.798.000 \text{ đồng} \times 455 \text{ ngày} \times 15\%/năm = 37.359.489 \text{ đồng}$;

Tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày 29/12/2023: $29.403.000 \text{ đồng} \times 273 \text{ ngày} \times 15\%/năm = 3.298.775 \text{ đồng}$.

[6] Như vậy, Công ty L G Ph phải thanh toán cho Công ty Ph tổng số tiền nợ gốc 229.201.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/12/2023) là 40.658.264 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 50; Điều 55; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 280; Điều 351 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Ph đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Ph Kh số tiền 269.859.264 đồng (trong đó nợ gốc 229.201.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 29/12/2023 là 40.658.264 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi thành án thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng tại địa phương tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph phải chịu 3.503.637 đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để hoàn trả cho Công ty TNHH Ph.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH sản xuất thương mại Dịch vụ gỗ L G Ph phải chịu 13.492.936 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Ph số tiền 6.292.004 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013097 ngày 26/9/2023 (do ông Nguyễn Quốc Hưng nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết